

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG VIỄN ĐÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

TP.HCM, ngày 24 tháng 06 năm 2026

TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG Số: 411 /CV-CDVD  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Xác minh bảng điểm

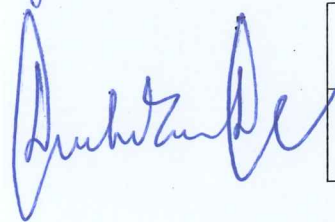
Số: 568  
ĐẾN Ngày: 27/6/2026  
Chuyển: .....  
Lưu hồ sơ số: .....

**Kính gửi: Cao đẳng Lý Tự Trọng TP HCM**

Để có cơ sở xác minh tính hợp pháp của bảng điểm đối với sinh viên đang theo học tại trường Cao đẳng Viễn Đông.

Trường Cao Đẳng Viễn Đông trân trọng đề nghị Quý đơn vị hỗ trợ kiểm tra tính hợp pháp của bảng điểm. Chúng tôi xin gửi bản photo của Sinh viên cần thẩm tra đến Quý đơn vị.

Kg: P. TSĐT - HTQT



| TT | Họ và tên đệm   | Tên  | Ngày sinh  | Ngành                |
|----|-----------------|------|------------|----------------------|
| 1  | Nguyễn Ngọc Bảo | Trân | 16/07/2005 | Kế toán doanh nghiệp |

Rất mong được sự cộng tác và hỗ trợ của Quý đơn vị trong thời gian sớm nhất.

Kết quả thẩm tra xin gửi về địa chỉ:

**Phòng Đào tạo, Trường Cao Đẳng Viễn Đông**

**Lô 2, Công viên Phần mềm Quang Trung, phường Trung Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh.**

**SĐT: (028) 3715 4288**

Trân trọng cảm ơn sự quan tâm của Quý đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ĐT, VT./.

**TL.HIỆU TRƯỞNG**  
**KT.TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO**  
**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO**



**PHAN HỒNG THẢO NGUYỄN**

BẢNG ĐIỂM

Họ và tên: NGUYỄN NGỌC BẢO TRẦN  
Ngày sinh: 16/07/2005  
Khóa học: 2020-2023  
Lớp học: 20T4-KTD1  
Mã SV: 20001619

Ngành: Kế toán doanh nghiệp  
Chuyên ngành: Kế toán doanh nghiệp  
Trình độ đào tạo: Trung cấp  
Loại hình đào tạo: Chính quy

| T  | Mã HP  | Tên học phần                   | Số TC | Điểm HP |          |        |
|----|--------|--------------------------------|-------|---------|----------|--------|
|    |        |                                |       | Điểm 10 | Điểm chữ | Điểm 4 |
| 1  | 001721 | Kinh tế vi mô                  | 3     | 4.8     | D        | 1.0    |
| 3  | 002001 | Marketing căn bản              | 3     | 6.6     | C        | 2.0    |
| 5  | 001106 | Toán 1                         | 4     | 4.6     | D        | 1.0    |
| 7  | 002069 | Giáo dục Quốc phòng và An ninh | 3     | 7.0     | B        | 3.0    |
| 9  | 000479 | Ngữ Văn 2                      | 4     | 7.7     | B        | 3.0    |
| 11 | 001982 | Pháp luật                      | 1     | 7.4     | B        | 3.0    |
| 13 | 001349 | Toán 2                         | 4     | 5.6     | C        | 2.0    |
| 15 | 001608 | Hóa học 1                      | 4     | 7.0     | B        | 3.0    |
| 17 | 001836 | Luật kinh doanh                | 2     | 7.1     | B        | 3.0    |
| 19 | 002023 | Tài chính – tiền tệ            | 2     | 6.4     | C        | 2.0    |
| 21 | 001607 | Toán 3                         | 4     | 6.1     | C        | 2.0    |
| 23 | 001611 | Hóa học 2                      | 4     | 4.6     | D        | 1.0    |
| 25 | 002338 | Kế toán hành chính sự nghiệp   | 2     | 8.2     | B        | 3.0    |
| 27 | 002242 | Thuế                           | 2     | 6.3     | C        | 2.0    |
| 29 | 001612 | Toán 4                         | 4     | 7.2     | B        | 3.0    |
| 31 | 001615 | Hóa học 3                      | 4     | 6.8     | C        | 2.0    |
| 33 | 001735 | Kế toán thương mại dịch vụ     | 2     | 4.9     | D        | 1.0    |
| 35 | 002071 | Tiếng Anh 1                    | 3     | 7.0     | B        | 3.0    |
| 37 | 001617 | Toán 5                         | 5     | 8.8     | A        | 4.0    |
| 39 | 002342 | Đồ án chuyên ngành 1           | 1     | 9.0     | A        | 4.0    |
| 41 | 002146 | Kế toán trên Excel             | 3     | 4.9     | D        | 1.0    |
| 43 | 002286 | Tâm lý kinh doanh              | 2     | 7.1     | B        | 3.0    |
| 45 | 001731 | Thực tập tốt nghiệp            | 6     | 8.7     | A        | 4.0    |

| TT | Mã HP  | Tên học phần           | Số TC | Điểm HP |          |        |
|----|--------|------------------------|-------|---------|----------|--------|
|    |        |                        |       | Điểm 10 | Điểm chữ | Điểm 4 |
| 2  | 001972 | Kỹ năng mềm            | 4     | 9.0     | A        | 4.0    |
| 4  | 001092 | Ngữ văn 1              | 4     | 7.4     | B        | 3.0    |
| 6  | 001981 | Giáo dục chính trị     | 2     | 7.8     | B        | 3.0    |
| 8  | 001983 | Giáo dục thể chất      | 1     | 6.3     | C        | 2.0    |
| 10 | 002022 | Nguyên lý kế toán      | 4     | 4.1     | D        | 1.0    |
| 12 | 002080 | Soạn thảo văn bản      | 2     | 6.2     | C        | 2.0    |
| 14 | 000453 | Vật lý 1               | 4     | 7.3     | B        | 3.0    |
| 16 | 002224 | Kế toán doanh nghiệp 1 | 2     | 6.2     | C        | 2.0    |
| 18 | 001610 | Ngữ Văn 3              | 4     | 6.5     | C        | 2.0    |
| 20 | 002083 | Thương mại điện tử     | 2     | 7.2     | B        | 3.0    |
| 22 | 001609 | Vật lý 2               | 4     | 8.7     | A        | 4.0    |
| 24 | 002229 | Kế toán doanh nghiệp 2 | 2     | 6.0     | C        | 2.0    |
| 26 | 001614 | Ngữ văn 4              | 4     | 7.9     | B        | 3.0    |
| 28 | 002070 | Tin học                | 3     | 7.2     | B        | 3.0    |
| 30 | 001613 | Vật lý 3               | 4     | 6.4     | C        | 2.0    |
| 32 | 002340 | Kế toán quản trị       | 2     | 6.7     | C        | 2.0    |
| 34 | 002043 | Quản trị tài chính     | 2     | 4.3     | D        | 1.0    |
| 36 | 002201 | Tiếng Anh 2            | 2     | 5.7     | C        | 2.0    |
| 38 | 001616 | Vật lý 4               | 4     | 8.6     | A        | 4.0    |
| 40 | 001618 | Hóa học 4              | 4     | 6.8     | C        | 2.0    |
| 42 | 002341 | Tài chính công         | 2     | 5.7     | C        | 2.0    |
| 44 | 002977 | Thực tập doanh nghiệp  | 4     | 8.8     | A        | 4.0    |
| 46 | 001619 | Toán 6                 | 5     | 7.7     | B        | 3.0    |

| Kết quả tốt nghiệp |         |      |
|--------------------|---------|------|
| T                  | Môn thi | Điểm |
|                    | Hóa     | 5,0  |
|                    | Lý      | 8,0  |
|                    | Toán    | 9,0  |

Số tín chỉ tích lũy: 131  
Điểm trung bình chung học tập toàn khóa: 6,77  
Điểm trung bình chung tích lũy: 6,77  
Xếp loại tốt nghiệp: Trung bình

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 02 năm 2024

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Đinh Văn Đệ





## BẢNG KẾT QUẢ HỌC TẬP

Họ và tên: NGUYỄN NGỌC BẢO TRẦN

Ngày sinh: 16/07/2005

Khóa học: 2023-2025

Lớp học: 23C2-KTD2

Mã SV: 23003494

Ngành:

Chuyên ngành:

Trình độ đào tạo:

Loại hình đào tạo:

Kế toán doanh nghiệp

Kế toán doanh nghiệp

Cao đẳng

Liên thông

| TT                | Mã HP  | Tên học phần                   | Số TC | Điểm HP |          |        | TT | Mã HP  | Tên học phần           | Số TC | Điểm HP |          |        |
|-------------------|--------|--------------------------------|-------|---------|----------|--------|----|--------|------------------------|-------|---------|----------|--------|
|                   |        |                                |       | Điểm 10 | Điểm chữ | Điểm 4 |    |        |                        |       | Điểm 10 | Điểm chữ | Điểm 4 |
| HK1 (2023 - 2024) |        |                                |       |         |          |        |    |        |                        |       |         |          |        |
| 1                 | 001382 | Giáo dục thể chất              | 1     | 8.2     | B+       | 3.2    | 2  | 002229 | Kế toán doanh nghiệp 2 | 2     | 5.8     | C        | 2.0    |
| 3                 | 002212 | Luật kinh doanh                | 2     | 8.4     | B+       | 3.2    | 4  | 002215 | Marketing căn bản      | 2     | 8.6     | A        | 4.0    |
| 5                 | 002211 | Tài chính doanh nghiệp I       | 2     | 6.0     | C        | 2.0    | 6  | 002119 | Tin học                | 1     | 8.3     | B+       | 3.2    |
| HK2 (2023 - 2024) |        |                                |       |         |          |        |    |        |                        |       |         |          |        |
| 1                 | 002186 | Giáo dục quốc phòng và An ninh | 1     | 8.3     | B+       | 3.2    | 2  | 002485 | Kế toán doanh nghiệp 3 | 3     | 6.2     | C        | 2.0    |
| 3                 | 002214 | Kế toán trên Excel             | 2     | 8.1     | B+       | 3.2    | 4  | 002052 | Kinh tế vĩ mô          | 2     | 6.6     | C+       | 2.5    |
| 5                 | 002188 | Pháp luật                      | 1     | 7.0     | B        | 3.0    | 6  | 002187 | Tiếng Anh              | 3     | 8.8     | A        | 4.0    |
| HK1 (2024 - 2025) |        |                                |       |         |          |        |    |        |                        |       |         |          |        |
| 1                 | 003306 | Đồ án - Làm sổ sách kế toán    | 1     | 7.0     | B        | 3.0    | 2  | 002120 | Giáo dục chính trị     | 2     | 6.7     | C+       | 2.5    |
| 3                 | 002486 | Kế toán trên phần mềm Misa     | 3     | 7.3     | B        | 3.0    | 4  | 002142 | Quản trị học           | 3     | 6.5     | C+       | 2.5    |
| 5                 | 002487 | Thị trường tài chính           | 3     | 6.1     | C        | 2.0    |    |        |                        |       |         |          |        |
| HK2 (2024 - 2025) |        |                                |       |         |          |        |    |        |                        |       |         |          |        |
| 1                 | 002016 | Báo cáo thuế                   | 3     | 6.5     | C+       | 2.5    | 2  | 002145 | Kế toán chi phí        | 3     | 6.2     | C        | 2.0    |
| 3                 | 002213 | Phân tích hoạt động kinh doanh | 3     | 4.6     | D        | 1.0    | 4  | 002044 | Thanh toán quốc tế     | 2     | 6.6     | C+       | 2.5    |
| 5                 | 003577 | Trải nghiệm Doanh nghiệp       | 4     | 8.8     | A        | 4.0    |    |        |                        |       |         |          |        |

Số tín chỉ tích lũy:

Điểm trung bình chung học tập (thang điểm 4):

Điểm trung bình chung tích lũy (thang điểm 4):

Xếp loại rèn luyện:

43

2.56

2.56

Trung bình

TP. HCM, ngày 05 tháng 06 năm 2026

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Châu Văn Bảo